

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày: 18-5-2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất;
yêu cầu di dời tài sản trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Lá;

Ông Hoàng Văn Khoát.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hoa, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Nông Ngọc Hưng, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020, về: “Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu di dời tài sản trên đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn: Ông Vi Ngọc G, sinh năm 1953. Địa chỉ: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

II. Bị đơn:

1. Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1974;

2. Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Thôn K (nay là khu T), thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; đều có mặt.

III. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954.

2. Anh Vi Ngọc C, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, anh Vi Ngọc C: Ông Vi Ngọc G, sinh năm 1953. Địa chỉ: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (Giấy ủy quyền cùng ngày 12 tháng 3 năm 2021); có mặt.

3. Anh Vi Ngọc Q, sinh năm 1983; có mặt.

4. Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1987; vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.
 5. Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1936.
Địa chỉ: Thôn K (nay là khu T), thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.
 6. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn K, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
 7. Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn K (nay là khu T), thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
 8. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn K (nay là khu T), thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
 9. Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn K (nay là khu T), thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
 10. Chị Hoàng Thị Đ1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
 11. Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khu D, H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.
 12. Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn K (nay là khu T), thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
 13. Ông Hoàng Văn T3, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn K (nay là khu T), thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
 14. Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn K (nay là khu T), thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
 15. Ông Ngô Văn H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn K (nay là khu T), thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
- *Người làm chứng:*
1. Ông Lô Văn N. Địa chỉ: Thôn K (nay là khu H), thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
 2. Ông Trương Văn L. Địa chỉ: Thôn K (nay là khu H), thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 10 năm 2020, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Vi Ngọc G trình bày:

Hộ gia đình ông có thửa đất số 901, tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 01 tại thôn K (xóm K), xã Q (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn, trong đó các diện tích đất đang tranh chấp với ông Hoàng Văn K và ông Hoàng Văn C. Nguồn gốc thửa đất và nguồn gốc đất tranh chấp là do thời điểm năm 1994 Nhà nước có chủ trương giao đất, giao rừng cho người dân, gia đình ông lúc đó đang sinh sống tại thôn K (xóm K), xã Q cũ, nên ông đã đi đăng ký kê khai nhận đất với chính quyền địa phương. Ngày 13/9/1994, Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho chủ hộ là ông Vi Ngọc G tại thôn K, xã Q cũ nay là thị trấn Đ, ông được đại diện Ủy ban nhân dân huyện C và

chính quyền thôn, xã giao cho ông nhận đất tại thực địa cùng năm, khi giao đất là đất trống, không có ai sử dụng đất, trên hồ sơ giao đất giao rừng chỉ ghi tên địa danh thôn K (xóm K), số hiệu ghi 328, diện tích giao 4,5ha, chính là thửa đất 901 hiện nay, trong đó có các diện tích đất đang tranh chấp. Trước năm 2005 ông chỉ đi phát đường băng để quản lý, trông giữ đất, do gia đình không có người và chưa trồng bạch đàn. Năm 2005, Ủy ban nhân dân xã Q đã giao cho gia đình ông 3.000 cây bạch đàn để trồng trên thửa đất, thời điểm bấy giờ, gia đình nào muốn lấy bao nhiêu cây thì lấy không cần phải ký nhận, cây để tại nhà nguyên Chủ tịch xã Q. Gia đình ông lúc bấy giờ ít người, các con còn nhỏ nên ông đã thuê bị đơn ông Hoàng Văn K trồng bạch đàn cho ông trên toàn bộ thửa 901, việc thuê bằng miệng giữa hai bên, ông được trả tiền công thuê trồng cây cho ông Hoàng Văn K. Sau khi trồng cây xong, hằng năm ông có lên rừng trông coi, phát đường băng để quản lý và sử dụng đất. Nhưng do gia đình ông không chăm sóc được nên cây bị chết hết, chỉ còn sống 01 cây bạch đàn, đường kính gốc khoảng 30 đến 40cm trên phần đất có tranh chấp với ông Hoàng Văn K. Khoảng năm 2008, tại huyện C có đợt đi đăng ký, kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông đã đi đăng ký, kê khai, làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 901, diện tích 19.132m² trong đó có các diện tích đất tranh chấp với ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C. Ngày 01/6/2011 Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa sổ BI 176964 đối với thửa đất số 901, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã Q cũ, diện tích 19.132m² cho hộ gia đình ông, tọa tại T, thôn K, xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn, trong đó có diện tích 3.242m² đang tranh chấp với ông Hoàng Văn K và diện tích 744m² đang tranh chấp với ông Hoàng Văn C. Sau đó, khoảng năm 2008 hai anh em ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C hỏi mượn đất của gia đình ông để trồng cây hoa màu ngắn ngày tăng thêm thu nhập, do ông có quen biết từ trước, ông đã cho mượn các diện tích đất tranh chấp, khi đó hai bên chưa lập giấy tờ cho mượn. Đến năm 2011, ông đã viết giấy có tiêu đề giấy chứng thực đề ngày 20/5/2011 để làm căn cứ, nội dung cho ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C mượn đất trồng cây ngắn ngày trên phần đất rừng của ông, sau khi thu hoạch hoa màu xong trả lại đất rừng cho chủ. Về chữ viết trong giấy này do ông viết tại nhà ông Hoàng Văn S là bố của ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C, còn chữ ký “K” dưới dòng chữ “người viết giấy” là chữ ký, chữ viết của ông Hoàng Văn K ký, viết ra. Lí do chỉ có ông Hoàng Văn K ký, vì hôm đó ông Hoàng Văn C đi vắng. Sau cho cho mượn đất ông không để ý nên ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C đã trồng thêm các cây khác trên đất, cụ thể trên phần diện tích đất tranh chấp ông Hoàng Văn K đã trồng 13 cây xoài đường kính từ 02 đến 05cm trồng năm 2014; 35 cây đào có đường kính từ 02 đến 05cm trồng năm 2013; 38 cây vải có đường kính từ 02 đến 05cm trồng 2015; 63 cây na đường kính dưới 02cm trồng 2016; 150 cây sắn mọc tự nhiên không biết năm mọc; 05 cây dứa trồng năm 2015; 06 cây chuối trồng 2015; 710 khóm giềng trồng 2008; 30 bụi tre trồng 2008 và ông Hoàng Văn C trồng 33 bụi tre năm 2009. Việc ông Hoàng Văn C cho rằng trồng 33 bụi tre từ năm 1990 là không đúng. Giữa các bên thống nhất với nhau về năm trồng cây nên ông không yêu cầu giám định tuổi cây, ông cũng

không yêu cầu Tòa án xem xét hủy quyết định cá biệt liên quan đến việc Ủy ban nhân dân huyện C giao đất năm 1994, cấp đất năm 2011 cho hộ gia đình ông. Việc đến khi khởi kiện ông chưa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông là vì gia đình ông không nhận được thông báo đến nhận giấy của cơ quan có thẩm quyền, nhưng hiện nay ông đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông gia đình ông. Nguyên nhân xảy ra tranh chấp do năm 2018, năm 2019 con trai ông là anh Vi Ngọc Q muốn trồng cây, có sang bảo ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C thu hoạch cây để trả lại đất. Nhưng ông Hoàng Văn K và ông Hoàng Văn C lúc đầu thì đồng ý trả lại đất và yêu cầu ông phải trả tiền cây giống và công trồng cho ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C, nhưng sau đó hai ông không đồng ý trả đất nên ông đã đề nghị thị trấn Đ hòa giải để ông khởi kiện ra Tòa án.

Ngoài hai diện tích đất tranh chấp nêu trên, thì trên thửa đất 901 ông Hoàng Văn C đang sử dụng diện tích 2031m² đất trồng chuối, cây ăn quả xoài, đào năm 2014; ông Ngô Văn H sử dụng đất trồng bạch đàn diện tích 1853m²; ông Hoàng Văn T3 sử dụng diện tích 367m² trồng na; ông Hoàng Văn P sử dụng diện tích 5318 m² trồng bạch đàn, trồng keo, nhưng ông Hoàng Văn C, ông Ngô Văn H, ông Hoàng Văn T3 không ai hỏi ý kiến ông về việc trồng cây; hộ gia đình ông còn đang sử dụng một phần diện tích 4814m² đất và 01 con đường đất diện tích 76,3m² do ông mới mở để đi vào thửa đất. Tất cả các diện tích đất nêu trên đều thuộc một phần diện tích còn lại của thửa 901 của hộ gia đình ông.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Vi Ngọc G yêu cầu ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C phải di dời toàn bộ tài sản cây trồng do các ông trồng ra khỏi diện tích đất tranh chấp để trả lại đất tranh chấp cho hộ ông Vi Ngọc G và bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng và yêu cầu được quyền sở hữu 01 cây bạch đàn của ông trồng trên đất năm 2005. Trường hợp Tòa án không chấp yêu cầu di dời của ông, thì ông Vi Ngọc G yêu cầu để hộ ông Vi Ngọc G và bà Nguyễn Thị H được quyền sở hữu toàn bộ tài sản cây trồng do ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C trồng trên diện tích đất tranh chấp và ông Vi Ngọc G có trách nhiệm thanh toán tiền giá trị tài sản cây trồng trên diện tích đất tranh chấp cho ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C theo kết quả định giá tài sản trong vụ án. Nay ông Vi Ngọc G giữ nguyên yêu cầu ông Hoàng Văn K phải trả lại diện tích đất tranh chấp cho hộ gia đình được quyền sử dụng và yêu cầu được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm 01 cây bạch đàn do ông trồng năm 2005 cùng toàn bộ tài sản cây trồng trên đất tranh chấp với ông Hoàng Văn K, ông có trách nhiệm thanh toán tiền giá trị tài sản trên diện tích đất tranh chấp cho ông Hoàng Văn K theo kết quả định giá tài sản trong vụ án. Đối với ông Hoàng Văn C, tại phiên tòa ông Hoàng Văn C đồng ý trả lại diện tích đất tranh chấp và yêu cầu ông phải trả giá trị tiền 33 bụi tre theo kết quả định giá tài sản trong vụ án, ông đồng ý với việc ông Hoàng Văn C trả ông đất và ông trả giá trị tiền 33 bụi tre tre theo kết quả định giá tài sản cho ông Hoàng Văn C.

Đối với diện tích 2031m² đất mà ông Hoàng Văn C đang sử dụng trồng chuối, cây ăn quả xoài, đào; diện tích 1853 m² đất ông Ngô Văn H đang sử dụng trồng bạch đàn; diện tích 367 m² ông Hoàng Văn T3 sử dụng trồng na; diện tích

5318m² ông Hoàng Văn P đang sử dụng trồng keo, bạch đàn và đối với phần diện tích 4814m² đất của hộ gia đình ông đang sử dụng và 01 con đường đất diện tích 76,3m² do ông mới mở làm đường đi lại vào thửa đất 901, đều thuộc một phần diện tích còn lại của thửa 901 của hộ gia đình ông. Tất cả các diện tích đất này ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Bị đơn ông Hoàng Văn K trình bày: Ông và ông Vi Ngọc G tranh chấp 3.242m² đất rừng sản xuất, thuộc một phần diện tích 19.132m², thửa đất 901, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01, tọa tại T, thôn K, xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa sổ BI 176964 năm 2011 cho hộ ông Vi Ngọc G và bà Nguyễn Thị H và cấp hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho chủ hộ ông Vi Ngọc G ngày 13/9/1994 tại thôn K (xóm K), xã Q cũ cho hộ ông Vi Ngọc G, ông được biết việc ông Vi Ngọc G được giao quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp giữa các ông nhưng ông không có ý kiến gì, ông không yêu cầu Tòa án xem xét hủy quyết định cá biệt liên quan đến việc cấp đất cho hộ ông Vi Ngọc G. Ông cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp trước năm 1990 do ông cha ông để lại cho bố ông là Hoàng Văn S, năm 1990 bố ông cho lại ông để quản lý, sử dụng, cho không có văn bản giấy tờ gì chứng minh, gia đình ông không ai đăng ký, kê khai đất với chính quyền thôn, xã, huyện, nhà nước chưa cấp quyền sử dụng cho gia đình ông. Ông không được ký giấy mượn đất với ông Vi Ngọc G. Về giấy chứng thực ngày 20/5/2011 do ông Vi Ngọc G giao nộp, ông khẳng định chữ viết trong nội dung giấy chứng thực không phải chữ viết của ông, chữ ký “K” dưới dòng chữ “người viết giấy” không phải là chữ ký ông viết ra, vì ông không được mượn đất của ông Vi Ngọc G. Sau khi ông được Tòa án thông báo ông biết kết luận giám định chữ ký, chữ viết “K” giấy chứng thực ngày 20/5/2011 do cùng một người ký, viết ra nhưng ông không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định lại. Đến năm 2008 ông trồng cây trên đất tranh chấp, cây đầu tiên ông trồng là 710 khóm giềng trồng 2008; 30 bụi tre trồng 2008; tiếp theo là 35 cây đào có đường kính từ 02 đến 05cm trồng năm 2013; 13 cây xoài đường kính từ 02 đến 05cm trồng năm 2014; 38 cây vải có đường kính từ 02 đến 05cm trồng 2015; 150 cây sắn mọc tự nhiên không biết năm mọc; 05 cây dừa trồng năm 2015; 06 cây chuối trồng 2015; 63 cây na đường kính dưới 02cm trồng 2016, có tổng trị giá tài sản cây trồng là 32.795.000 đồng. Ngoài ra, trên đất tranh chấp có 01 cây bạch đàn đường kính trên 40cm của ông Vi Ngọc G trồng năm 2005, do ông Vi Ngọc G thuê ông trồng cây cho, vì ông Vi Ngọc G có sổ xanh đối với diện tích đất, ông Vi Ngọc G thuê ông trồng nhiều cây bạch đàn trên đất, ông được ông Vi Ngọc G trả tiền công trồng, lúc ấy ông không có tiền nên đồng ý trồng cho ông Vi Ngọc G, sau đó cây chết, chỉ còn 01 cây bạch đàn sống trên đất các ông đang tranh chấp. Ông và ông Vi Ngọc G thống nhất về thời gian trồng toàn bộ cây trên đất tranh chấp nên ông không yêu cầu giám định tuổi cây; đất của ông nên ông cứ sử dụng, vì vậy ông không yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giao, cấp cho hộ gia đình ông Vi Ngọc G. Nay ông không nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của ông Vi Ngọc G, ông yêu cầu được quyền sử dụng đất tranh chấp và sở hữu tài sản cây

trồng do ông trồng trên đất. Trường hợp ông không được quyền sử dụng đất tranh chấp, ông yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản trên đất theo quy định của pháp luật. Đối với cây bạch đàn của ông Vi Ngọc G trồng trên đất tranh chấp, ông yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Đối với yêu cầu nào ông Vi Ngọc G không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông đồng ý không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hoàng Văn C trình bày: Ông và ông Vi Ngọc G tranh chấp 744m² đất rừng sản xuất, thuộc một phần diện tích 19.132m², thửa đất 901, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01, tọa tại T, thôn K, xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa sổ BI 176964 năm 2011 cho hộ ông Vi Ngọc G và bà Nguyễn Thị H và cấp hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho chủ hộ ông Vi Ngọc G ngày 13/9/1994 tại thôn K (xóm K), xã Q cũ cho hộ ông Vi Ngọc G, ông được biết việc ông Vi Ngọc G được giao quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp giữa các ông nhưng ông không có ý kiến gì. Quá trình giải quyết vụ án, ông cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp do ông cha ông để lại cho bố ông là Hoàng Văn S, từ năm 1990 bố ông cho lại ông và ông Hoàng Văn K phần đất đang tranh chấp để quản lý, sử dụng, nhưng việc cho không có văn bản giấy tờ gì để chứng minh, gia đình ông không ai đăng ký, kê khai đất với chính quyền thôn, xã, huyện, nhà nước chưa cấp quyền sử dụng cho ông. Năm 2009 ông trồng 33 bụi tre trên đất tranh chấp. Giữa ông và ông Vi Ngọc G thống nhất về thời gian trồng cây trên đất tranh chấp nên ông không yêu cầu giám định tuổi cây; ông không yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giao, cấp cho hộ gia đình ông Vi Ngọc G. Ông không biết việc ông Hoàng Văn K ký giấy mượn đất với ông Vi Ngọc G. Ngoài phần diện tích đất các ông đang tranh chấp, ông còn sử dụng diện tích 2031m² đất để trồng chuối, cây ăn quả xoài, đào năm 2014, thuộc một phần diện tích còn lại của thửa 901 của hộ gia đình ông Vi Ngọc G, ông không hỏi ý kiến của gia đình ông Vi Ngọc G về việc trồng cây. Năm 2019 các bên xảy ra tranh chấp, nguyên nhân do ông Vi Ngọc G đòi lại đất. Tại phiên tòa hôm nay, ông Hoàng Văn C đồng ý trả lại đất tranh chấp cho hộ gia đình ông Vi Ngọc G được quyền sử dụng và ông yêu cầu ông Vi Ngọc G phải trả giá trị tiền 33 bụi tre cho ông theo kết quả định giá tài sản trong vụ án. Đối với cây bạch đàn của ông Vi Ngọc G trồng trên đất tranh chấp ông yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Đối với diện tích 2031m² đất ông đang trồng chuối, cây ăn quả xoài, đào và với yêu cầu nào mà ông Vi Ngọc G không yêu cầu Tòa án giải quyết, thì ông đồng ý yêu cầu của ông Vi Ngọc G, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn S trình bày: Ông là bố đẻ của ông của ông Hoàng Văn K và ông Hoàng Văn C, quá trình giải quyết vụ án ông đồng ý với ý kiến, yêu cầu của các con ông. Tại phiên tòa, ông đồng ý với ý kiến, yêu cầu của ông Hoàng Văn K, ông không đồng ý với ý kiến và yêu cầu của ông Hoàng Văn C.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T là vợ ông Hoàng Văn K, bà Hoàng Thị Đ là vợ ông Hoàng Văn C, anh Hoàng Văn K, anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị Đ1, chị Hoàng Thị P, anh Hoàng Văn T1 là các con của ông

Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C trình bày: Thống nhất với phần trình bày của các bị đơn ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C trong quá trình giải quyết vụ án và đồng ý với yêu cầu của các bị đơn.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, anh Vi Ngọc C do ông Vi Ngọc G là người đại diện hợp pháp; anh Vi Ngọc Q; chị Nguyễn Thanh H trình bày: Bà Nguyễn Thị H là vợ ông Vi Ngọc G; anh Vi Ngọc C, anh Vi Ngọc Q, chị Nguyễn Thanh H là các con của ông Vi Ngọc G đều đứng về phía nguyên đơn, đồng ý với trình bày và yêu cầu của ông Vi Ngọc G.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T3 trình bày: Ông đang quản lý, sử dụng có diện tích 367 m² đất trồng na. Nguồn gốc diện tích đất này của ông cha để lại cho ông, nhưng gia đình không đi kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ canh tác từ đời này sang đời khác. Trên phần đất của ông Vi Ngọc G được cấp sổ, thì có phần đất của ông quản lý sử dụng và phần đất của ông Hoàng Văn C, ông Hoàng Văn K trồng cây nhiều năm nay. Ông xác định từ trước đến nay ông chưa có phát sinh tranh chấp, mâu thuẫn gì đối với ông Vi Ngọc G, trường hợp có tranh chấp ông sẽ có đơn giải quyết vụ án dân sự khác, nên ông không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn P trình bày: Ông là anh ruột ông Hoàng Văn K, Hoàng Văn C đang sử dụng diện tích đất 5318 m² trồng bạch đàn từ năm 2006, trồng keo từ năm 2008 (được ký hiệu thửa tạm là 901.7 trên Trích đo khu đất tranh chấp trong vụ án này). Nay ông được biết diện tích đất 5318m² thuộc thửa đất 901, tờ bản đồ số 01 xã Q cũ, nay là thị trấn Đ, huyện C, UBND huyện C cấp sổ bìa xanh và năm 2011 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vi Ngọc G, tại thôn K, thị trấn Đ, huyện C. Nguồn gốc diện tích đất 5318m² ông đang trồng trồng keo, bạch đàn, do ông cha để lại cho bố để ông là ông Hoàng Văn S quản lý, sử dụng trước năm 1990, năm 1990 bố ông cho lại ông quản lý, sử dụng để trồng ngô, đỗ trên đất, năm 2006 ông trồng bạch đàn, năm 2008 trồng keo trên đất. Ông không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, ông không đi đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất này với chính quyền thôn, xã, huyện C, không được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giữa ông Vi Ngọc G và ông không tranh chấp với nhau liên quan đến diện tích đất này, vì vậy, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về đất và tài sản cây trồng trên đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn H trình bày: Hiện ông đang sử dụng diện tích đất 1853m² trồng tre từ khoảng năm 2009 (được ký hiệu thửa tạm là 901.3 trên Trích đo khu đất tranh chấp). Nay ông được biết diện tích đất 1853m² thuộc thửa đất 901, tờ bản đồ số 01 xã Q cũ, nay là thị trấn Đ, huyện C, đã được UBND huyện C cấp sổ bìa xanh và năm 2011 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vi Ngọc G, tại thôn K, thị trấn Đ, huyện C. Nguồn gốc diện tích đất ông đang trồng tre do ông cha để lại cho ông quản lý, sử dụng trước năm 2009. Ông không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, ông không đi đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất này với chính quyền thôn, xã, huyện C, không được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giữa ông Vi

Ngọc G và ông không xảy ra tranh chấp với nhau liên quan đến diện tích đất này, vì vậy, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về đất và tài sản cây trồng trên đất.

Người làm chứng ông Lô Văn N trình bày: Ông có diện tích đất rừng tại thôn K, xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), huyện C, có tiếp giáp với diện tích đất đang tranh chấp giữa các bên. Từ đất rừng của ông nhìn sang phía đất hiện đang tranh chấp giữa các bên có thể nhìn thấy toàn bộ khu đất tranh chấp. Khoảng năm 1989 gia đình ông Hoàng Văn K không còn sử dụng diện tích đất này. Năm 1994, nhà nước thực hiện giao đất, giao rừng nhằm giữ rừng tái sinh, thời điểm này không cho xâm canh, người của thôn nào thì nhận đất của thôn đó, ông Vi Ngọc G trước đó là người K mặc dù đã ra ở tại khu H năm 1989 nhưng trước đó ở K nên ông Vi Ngọc G đăng ký và được nhà nước giao đất, giao rừng này. Năm 1998, nhà nước thực hiện Dự án trồng rừng V Đ nhưng gia đình ông Vi Ngọc G chỉ quản lý rừng, chưa trồng cây trên đất. Năm 2002, ông Vi Ngọc G trồng bạch đàn phủ hết cả diện tích đất này nhưng không sống, chỉ còn sống đúng 01 cây ở giữ rừng. Ông Vi Ngọc G thuê chính ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C trồng cho. Ông biết vì thời điểm đó, ông Vi Ngọc G có thuê ông, nhưng ông không nhận nên ông bảo ông thuê Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C trồng. Năm 2005, ông có vào xin ông Vi Ngọc G canh tác trồng ngô, chuối, ông Vi Ngọc G đồng ý. Sau ông Vi Ngọc G vào nhận lại rừng thì ông trả lại đất, trên diện tích đất này không còn tài sản gì của gia đình ông. Khoảng năm 2005 – 2007, ông Hoàng Văn C có xin ông Vi Ngọc G làm nương trên một phần diện tích đất. Khoảng năm 2012, ông Hoàng Văn C trồng tre, giờ đã thành bụi. Khoảng năm 2005, năm 2007, ông Hoàng Văn K cũng làm nương trên phần diện tích đất này tiếp giáp với phần làm nương của ông Hoàng Văn C. Năm 2015, ông Hoàng Văn K trồng tre, dứa, đào hiện vẫn còn trên đất, vài thiêu (đã chết hết). Do không phải là đất của ông nên ông không biết có bao nhiêu cây, cụ thể các cây như thế nào. Ông thấy rằng việc ông Vi Ngọc G khởi kiện yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đất là có căn cứ, vì nhà nước giao đất giao rừng thời điểm đó là đất chưa ai quản lý, sử dụng. Ông khẳng định diện tích đất ông Vi Ngọc G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có sự chồng lấn với gia đình nào. Ông không có tranh chấp gì, trên diện tích đất tranh chấp giữa các bên không có tài sản nào của ông.

Người làm chứng ông Trương Văn L trình bày: Ông có đất rừng tại thôn K (nay khu H), xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), huyện C, ở gần khu đất của ông Vi Ngọc G hiện đang tranh chấp giữa các bên. Về nguồn gốc diện tích đất rừng này là của thôn K, nhưng các hộ dân ở thôn K đi xâm canh xâm cư, trong đó có ông Hoàng Văn S bố của ông Hoàng Văn C đến xâm canh xâm cư, thời gian khoảng năm 1985 – 1986 lên đất rừng tranh chấp này canh tác trồng sắn, ngô... khi đất xấu thì bỏ. Thời điểm đó chưa có chính sách giao đất, giao rừng và không có ai đi giữ đất, giữ rừng. Năm 1994, có dự án của nhà nước mới thực hiện chính sách giao đất, giao rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc. Thời điểm này ông Vi Ngọc G nhận đất và được cấp sổ bìa xanh, ông Vi Ngọc G có trồng bạch đàn.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với thửa đất 901 tại Trưỡng thôn K, thị trấn Đ và Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C. Trưởng thôn K và đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn Đ cho biết: Nguồn gốc các diện tích đất đang tranh chấp trước

năm 1994 là khu đất để trồng, cây bụi mọc tự nhiên, chưa ai sử dụng, thuộc địa danh của thôn K, xã Q cũ, sau sát nhập nay là thị trấn Đ. Năm 1994 nhà nước thực hiện chính sách giao đất, giao rừng cho người dân trồng rừng, ngày 13/9/1994 hộ gia đình ông Vi Ngọc G được Ủy ban nhân dân huyện C giao đất tranh chấp cho quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng. Quá trình quản lý, sử dụng, khoảng năm 1997 hộ ông Vi Ngọc G đã trồng khoảng 3000 cây bạch đàn lên trên đất, nhưng do không chăm sóc được nên đã bị chết hết, còn sót lại 01 cây bạch đàn đường kính trên 30 cm để quản lý đất, sau đó hộ ông Vi Ngọc G không trồng thêm cây gì trên khu đất được giao, mà chỉ để gia đình ông K canh tác nhờ trên thửa đất, có việc ông Vi Ngọc G cho ông Hoàng Văn K mượn một phần đất đang có tranh chấp để trồng cây ngắn ngày, ông Hoàng Văn C và một số người dân khác cũng tự ý đến thửa đất của hộ ông Vi Ngọc G để lấn chiếm trồng cây ngắn ngày, cây ăn quả trên đất. Quá trình ông Vi Ngọc G làm thủ tục đăng ký, kê khai và Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vi Ngọc G năm 2011, không thấy có hộ gia đình nào, kể cả gia đình ông Hoàng Văn S, ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C không có khiếu nại, tranh chấp gì liên quan đến thửa đất 901 đã giao và cấp đất cho hộ ông Vi Ngọc G. Việc hộ ông Vi Ngọc G có chuyển nhượng, chuyển đổi quyền sử dụng đất cho ai không thì Ủy ban nhân dân thị trấn Đ không thấy hồ sơ lưu. Gia đình ông Hoàng Văn S và gia đình các ông Hoàng Văn K, Hoàng Văn C không ai đăng ký, kê khai quyền sử dụng đối với các diện tích đất có tranh chấp, thửa đất 901 với chính quyền địa phương và không được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các diện tích đất có tranh chấp.

Hạt Kiểm lâm huyện C cho biết: Hồ sơ sổ lâm bạ thống kê hiện trạng rừng và đất trồng rừng sau khi nhận đất rừng thôn K, xã Q cho chủ hộ ông Vi Ngọc G, có nhận 01 lô đất rừng cụ thể tại địa danh M; số hiệu trên bản đồ trong sổ lâm bạ là số 328; tổng diện tích giao là 4,5ha; hiện trạng khi giao đất là đất trống. Sau khi kiểm tra, rà soát trên bản đồ giao đất, giao rừng xã Q không có số hiệu 328. Bản đồ giao đất, giao rừng năm 1994 Hạt Kiểm lâm C thực hiện chủ yếu là bản đồ can vẽ thủ công bằng tay, số hiệu trên bản đồ là số thứ tự ghi số lô từ trên xuống dưới, từ trái qua phải của bản đồ.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cho biết: Do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C không có hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/9/1994 cho hộ Vi Ngọc G nên không xác định được sự khác biệt về tên địa danh trên thửa đất cấp cho hộ ông Vi Ngọc G có được cấp cùng một vị trí đất hay không. Về hồ sơ xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Vi Ngọc G đối với thửa đất số 901, tờ bản đồ địa chính số 01 thuộc xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), tỷ lệ 1/10.000, mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, không tìm thấy hồ sơ gốc sau 03 lần tìm kiếm.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Vi Ngọc G được cấp 01 thửa đất, tổng diện tích 4,5 ha. Ngày 13/9/1994 Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho chủ hộ Vi Ngọc G, hiện trạng khi giao đất là đất trống. Ngày 01/6/2011 UBND huyện C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa sổ BI 176964, số vào sổ CH 00322 cho hộ

ông Vi Ngọc G tại thửa đất số 901, tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 01 xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), có tổng diện tích 19.132m² đất rừng sản xuất (RSN-IIa). Về trình tự thủ tục cấp, giao đất cho hộ ông Vi Ngọc G là đúng trình tự, thủ tục pháp luật. Theo hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng diện tích 4,5 ha không được thể hiện trên bản đồ và số liệu theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 31/12/2020 hộ ông Vi Ngọc G và các bên, có tổng diện tích 19.132m² thuộc thửa đất số 901 (bản đồ lâm nghiệp xã Q cũ), có thể do làm công tác cập nhật giao đất, giao rừng bằng quy trình thủ công, không có công nghệ máy móc hỗ trợ, vì vậy còn thiếu sót và độ sai số cao. Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa được trao cho người sử dụng đất và đang lưu trữ tại Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện C. Hộ ông Vi Ngọc G chưa thực hiện chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác. Đối với thửa đất tranh chấp đề nghị Tòa án xem xét việc các hộ ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C trồng cây từ năm 2009, tại sao đến nay mới xảy ra tranh chấp, cần phải xem các hộ này có hồ sơ chứng minh nguồn gốc đất không, hay đất lấn chiếm. Đây là vụ án tranh chấp đất đai có tính chất phức tạp, liên quan đến hồ sơ lưu giữ từ năm 1994 đến nay của nhiều cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Tòa án xem xét kỹ các tình tiết liên quan, hồ sơ thu thập hiện có, để giải quyết đúng theo quy định của Nhà nước.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và Hội đồng định giá tiến hành định giá tài sản trên đất tranh chấp. Kết quả như sau:

Theo hồ sơ giao đất giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng do Ủy ban nhân dân huyện C giao cho hộ ông Vi Ngọc G ngày 13/9/1994, thuộc thửa 901, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 (số hiệu trên bản đồ giao đất giao rừng là 328), có tổng diện tích 4,5ha (tương đương 45.000m²) đất rừng sản xuất, tọa tại thôn K, xã Q (nay là thị trấn Đ) huyện C.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa sổ BI 176964, do UBND huyện C cấp ngày 01/6/2011 cho hộ ông Vi Ngọc G và bà Nguyễn Thị H, đất tranh chấp giữa các bên thuộc thửa đất số 901, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã Q (nay là thị trấn Đ), tổng diện tích 19.132,0m² đất rừng sản xuất (RSN-IIa), tọa tại T, thôn K, xã Q (nay là thị trấn Đ) huyện C. Nguồn gốc đất do nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Theo hiện trạng tại thực địa xác định được diện tích tranh chấp giữa ông Vi Ngọc G và ông Hoàng Văn K là 3.242,0m² đất (ký hiệu thửa tạm 901.6 trên trích đo khu đất tranh chấp), nằm trong tổng diện tích 19.132m² (đất RSN-IIa) đất, thuộc thửa 901, tờ bản đồ địa chính số 01 xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho chủ hộ Vi Ngọc G ngày 13/9/1994, tọa tại thôn K, xã Q (nay là thị trấn Đ, huyện C) và đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa sổ BI 176964 ngày 01/6/2011 cho hộ ông Vi Ngọc G và bà Nguyễn Thị H, tọa tại T, thôn K, xã Q (nay là thị trấn Đ) huyện C, có các phía tiếp giáp và chiều dài các cạnh như sau: phía Đông tiếp giáp đường đất do ông Vi Ngọc G mở tại thửa 901 của hộ ông Vi Ngọc G, có 02 đoạn gồm đoạn từ A19 đến A6 dài là 58,6m, tiếp giáp với một phần

đất diện tích 763m² đường đất do ông Vi Ngọc G mở (ký hiệu thửa tạm 901.8 trên trích đo khu đất tranh chấp) của thửa 901 hộ ông Vi Ngọc G và tiếp giáp với một phần diện tích 5318 m² (ký hiệu thửa tạm 901.7 trên trích đo khu đất tranh chấp) của thửa 901 hộ ông Vi Ngọc G, hiện ông Hoàng Văn P đang trồng keo, bạch đàn và đoạn từ A6 đến A8, có cạnh dài 34,6m tiếp giáp với một phần thửa đất 900 (phần diện tích 630,0m² đất RST-đất rừng sản xuất tự nhiên, được ký hiệu thửa tạm 900.1 trên trích đo khu đất tranh chấp) của ông Hoàng Văn P; phía Tây tiếp giáp với một phần diện tích 4814m² đất rừng sản xuất (ký hiệu thửa tạm 901.5 trên trích đo khu đất tranh chấp) thuộc thửa 901 của hộ ông Vi Ngọc G, có cạnh dài đoạn từ A9 đến A22 đến A17 là 77,4m; phía Nam có cạnh dài từ A8 đến A9 là 40,5m, tiếp giáp khe suối, liền kề với thửa đất 946 đất RST-đất rừng sản xuất tự nhiên của hộ ông Hoàng Tấn P; phía Bắc tiếp giáp phần diện tích 744,0m² đất (ký hiệu thửa tạm 901.4 trên trích đo khu đất tranh chấp) đoạn từ A17 đến A18 có cạnh dài 23,5m thuộc một phần thửa 901 của hộ ông Vi Ngọc G, hiện ông Hoàng Văn C đang trồng tre và đoạn từ A18 đến A19 giáp phần diện tích 1853,0m² đất rừng sản xuất (ký hiệu thửa tạm 901.3 trên trích đo khu đất tranh chấp) thuộc một phần thửa 901 của hộ ông Vi Ngọc G, hiện ông Ngô Văn H đang trồng tre; đều nằm trong diện tích 19.132m² thuộc thửa đất 901, tờ bản đồ số 01 của hộ ông Vi Ngọc G được giao quyền quản lý sử dụng, có trị giá đất 29.178.000 đồng. Tài sản trên đất tranh chấp do ông Vi Ngọc G trồng có 01 cây bạch đàn, đường kính trên 40cm, trồng năm 2005. Tài sản trên đất tranh chấp do ông Hoàng Văn K trồng gồm có 13 cây xoài đường kính từ 02 đến 05cm trồng năm 2014; 35 cây đào có đường kính từ 02 đến 05cm trồng năm 2013; 38 cây vải có đường kính từ 02 đến 05cm trồng 2015; 63 cây na đường kính dưới 02cm trồng 2016; 150 cây sắn mọc tự nhiên không biết năm mọc; 05 cây dừa trồng năm 2015; 06 cây chuối trồng 2015; 710 khóm giềng trồng 2008; 30 bụi tre trồng 2008, trong đó đối với 150 cây sắn (tất cả 150 cây mọc tự nhiên) và 05 cây dừa, các đương sự không yêu cầu Hội đồng định giá nên Hội đồng định giá không tiến hành định giá, các cây còn lại có trị giá tài sản 32.795.000 đồng.

Diện tích tranh chấp giữa ông Vi Ngọc G và ông Hoàng Văn C là 744,0m² (ký hiệu thửa tạm 901.4 trên trích đo khu đất tranh chấp), nằm trong tổng diện tích 19.132m² thuộc thửa 901 thuộc tờ bản đồ địa chính số 01, đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho chủ hộ Vi Ngọc G ngày 13/9/1994, tọa tại thôn K, xã Q (nay là thị trấn Đ, huyện C) và đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa sổ BI 176964 ngày 01/6/2011 cho hộ ông Vi Ngọc G và bà Nguyễn Thị H, tọa tại T, thôn K, xã Q (nay là thị trấn Đ) huyện C, có các phía tiếp giáp và chiều dài các cạnh như sau: phía Đông tiếp giáp một phần diện tích 1853,0m² đất rừng sản xuất (ký hiệu thửa tạm 901.3 trên trích đo khu đất tranh chấp), ông Ngô Văn H trồng tre, có cạnh dài là 18m, thuộc một phần diện tích thửa đất 901 của hộ ông Vi Ngọc G, đoạn từ A14 đến A18 có cạnh dài là 26,1m; phía Tây tiếp giáp với một phần diện tích 4814m² đất rừng sản xuất (ký hiệu thửa tạm 901.5 trên trích đo khu đất tranh chấp) thuộc thửa 901 của hộ ông Vi Ngọc G, có cạnh dài đoạn từ A15 đến A16 là 25,0m; phía

Nam tiếp giáp một phần diện tích 4814m² đất rừng sản xuất (ký hiệu thửa tạm 901.5 trên trích đo khu đất tranh chấp) của thửa 901 của hộ ông Vi Ngọc G, có đoạn từ A16 đến A17, cạnh dài 21,9m và đoạn từ A17 đến A18, cạnh dài 23,5m, có tiếp giáp một phần diện tích 3.242,0m² đất rừng sản xuất (ký hiệu thửa tạm 901.6 trên trích đo khu đất tranh chấp), hiện ông Hoàng Văn K đang trồng cây, đều thuộc thửa đất 901 của hộ Vi Ngọc G; phía Bắc tiếp giáp đất một phần diện tích 2031,0m² đất rừng sản xuất (ký hiệu thửa tạm 901.2 trên trích đo khu đất tranh chấp), hiện ông Hoàng Văn C đang trồng chuối, có đoạn từ A15 đến A14, cạnh dài là 27,9m, đều thuộc thửa đất 901 của hộ ông Vi Ngọc G được giao quyền quản lý sử dụng, có trị giá đất 6.696.000 đồng. Tài sản trên đất tranh chấp có 33 bụi tre (đã ra lá cành) do ông Hoàng Văn C trồng năm 2009, có trị giá tài sản 346.500 đồng.

Ngoài ra, trên một phần diện tích đất còn lại của thửa 901 hộ ông Vi Ngọc G được giao quyền quản lý sử dụng còn có ông Ngô Văn H sử dụng diện tích 1853m² trồng tre (ký hiệu thửa tạm 901.3 trên trích đo khu đất tranh chấp); ông Hoàng Văn C sử dụng diện tích 2031m² trồng chuối, cây ăn quả xoài, đào (ký hiệu thửa tạm 901.2 trên trích đo khu đất tranh chấp); ông Hoàng Văn T3 sử dụng diện tích 367m² trồng na (ký hiệu thửa tạm 901.1 trên trích đo khu đất tranh chấp); ông Hoàng Văn P sử dụng diện tích 5318m² trồng keo, bạch đàn (ký hiệu thửa tạm 901.7 trên trích đo khu đất tranh chấp); diện tích 4814 m² đất của hộ ông Vi Ngọc G, được ký hiệu thửa tạm 901.5 trên Mảnh trích đo khu đất tranh chấp và 01 con đường đất diện tích 76,3m² do ông Vi Ngọc G mới mở (ký hiệu thửa tạm 901.8 trên trích đo khu đất tranh chấp). Tất cả các diện tích đất này đều thuộc một phần diện tích còn lại của thửa đất 901, ông Vi Ngọc G không khởi kiện và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Kết quả chồng ghép bản đồ, Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường S, chi nhánh Lạng Sơn cho thấy: Do hồ sơ giao đất, giao rừng của ông Vi Ngọc G không có số thửa và đã rà soát trên bản đồ giao đất, giao rừng xã Q tỷ lệ 1/10.000 lập năm 1994 thì không xác định được số hiệu thửa 328 (do hạt Kiểm lâm cung cấp) nằm tại vị trí nào trên bản đồ nên không thực hiện được việc chồng ghép bản đồ.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, Tòa án ra quyết định số: 02/2021/QĐ-TCGD về trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết “K” dưới dòng chữ người viết giấy trên Giấy chứng thực đề ngày 20 tháng 5 năm 2011 của ông Hoàng Văn K, theo yêu cầu giám định của nguyên đơn ông Vi Ngọc G. Tại kết luận giám định số: 191/KL-PC09 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận chữ viết “K” dưới mục “Người viết giấy” trên Giấy chứng thực đề ngày 20 tháng 5 năm 2011 của ông Hoàng Văn K là do cùng một người ký, viết ra.

Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết số tiền 19.690.000 đồng, do nguyên đơn ông Vi Ngọc G đã nộp tạm ứng trước. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Vi Ngọc G yêu cầu Tòa án giải quyết về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản theo quy định của pháp luật; ông Hoàng Văn K và ông Hoàng Văn C cùng có yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Về chi phí giám định chữ ký của ông Hoàng Văn K hết số tiền 5.000.000 đồng, do nguyên đơn ông Vi Ngọc G đã nộp tạm ứng trước. Ông Vi Ngọc G yêu cầu bị đơn ông Hoàng Văn K phải chịu toàn bộ chi phí giám định; ông Hoàng Văn K không đồng ý chịu chi phí giám định; ông Hoàng Văn K và ông Hoàng Văn C cùng có yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật về chi phí giám định.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật, đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án, Viện kiểm sát không phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án, vì trong hồ sơ vụ án không có đầy đủ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Vi Ngọc G, do đó chưa đủ cơ sở để khẳng định diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc từ đâu. Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho hộ ông Vi Ngọc G năm 1994 chỉ thể hiện cấp cho hộ gia đình ông Vi Ngọc G thửa đất có số hiệu 328 diện tích 4,5ha, địa danh khu đất “mỏ quặng” nhưng không thể hiện số lô, số khoảnh cụ thể trên bản đồ. Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình ông Vi Ngọc G năm 2011 lại tọa tại khu đất “trong dọc” thuộc thôn K nên chưa đủ cơ sở để khẳng định chính xác thửa đất hộ gia đình ông Vi Ngọc G được giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng năm 1994 và thửa đất hộ gia đình ông Vi Ngọc G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011 là có cùng nguồn gốc, cùng một diện tích, cùng một vị trí.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp và hoà giải theo quy định của pháp luật nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Nguyễn Thanh H, bà Hoàng Thị T, anh Hoàng Văn K, anh Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị Đ, chị Hoàng Thị Đ1, chị Hoàng Thị P, anh Hoàng Văn T1, ông Hoàng Văn T3, ông Hoàng Văn P, ông Ngô Văn H đều vắng mặt tại phiên tòa hôm nay đều có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị H, anh Vi Ngọc C vắng mặt đã có người đại diện hợp pháp ông Vi Ngọc G tham gia tố tụng; những người làm chứng ông Lô Văn N, ông Trương Văn L vắng mặt không có lí do nhưng các ông đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Xét thấy những người vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Về những tình tiết không phải chứng minh: Nguyên đơn ông Vi Ngọc G và các bị đơn ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong vụ án đều thừa nhận hộ ông Vi Ngọc G đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng

và đất trồng rừng đứng tên chủ hộ ông Vi Ngọc G ngày 13/9/1994, diện tích 4,5 ha tại thôn K (xóm K), xã Q cũ, nay là thị trấn Đ, huyện C và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa sổ BI 176964 năm 2011 cho hộ ông Vi Ngọc G và bà Nguyễn Thị H, diện tích 19.132m², thuộc thửa đất 901, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã Q cũ, tại T, thôn K, xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), huyện C, trong đó có diện tích đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn và các bị đơn hiện nay; các đương sự đều không yêu cầu xem xét hủy hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng và giấy chứng nhận sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Vi Ngọc G; quá trình hộ ông Vi Ngọc G quản lý, sử dụng đất từ trước năm 2018 trở về trước không có ai khiếu nại hay xảy ra tranh chấp gì với ai, kể cả gia đình các bị đơn không ai có ý kiến gì; các bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn thừa nhận từ trước đến nay chưa ai đi đăng ký, kê khai, làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất với chính quyền thôn, xã, huyện và chưa ai được cơ quan có thẩm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; các đương sự đều thừa nhận về tài sản cây trồng trên đất có tranh chấp và trên các diện tích đất khác không có tranh chấp cây nào và cây của ai trồng; do vậy đây là các tình tiết không phải chứng minh.

[3] Về địa danh ghi trên đơn khởi kiện của ông Vi Ngọc G đối với phần đất tranh chấp, theo hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng ngày 13/9/1994 có địa danh là tại P (xóm K), xã Q (cũ), nay là thị trấn Đ, huyện C nhưng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lại ghi địa danh tại T, thôn K, xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy, theo hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng ngày 13/9/1994 trong hồ sơ vụ án đã xác định được hồ sơ giao đất, giao rừng cho hộ ông Vi Ngọc G không ghi địa danh mà chỉ ghi đối tượng được giao đất là hộ ông Vi Ngọc G, diện tích giao 4,5 ha đất để trồng rừng, tại khu vực thôn P (xóm K), xã Q (cũ), nay là thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trùng với vị trí khu vực thửa đất 901 hộ ông Vi Ngọc G đang sử dụng, trong đó có các diện tích đất tranh chấp và một phần đất không có tranh chấp, mà không ghi địa danh, tại khoảnh hay tiểu khu nào, còn về số hiệu trên bản đồ trong sổ lâm bạ ghi số hiệu 328, Tòa án đã xác minh với Hạt kiểm lâm huyện C là đại diện cho bên giao đất cho hộ ông Vi Ngọc G năm 1994, Hạt kiểm lâm huyện C cho biết khi kiểm tra, rà soát trên bản đồ giao đất, giao rừng xã Q (cũ) không có số hiệu 328, do bản đồ giao đất, giao rừng năm 1994 Hạt Kiểm lâm huyện C thực hiện chủ yếu là bản đồ can vẽ thủ công bằng tay, số hiệu trên bản đồ là số thứ tự ghi số lô từ trên xuống dưới, từ trái qua phải của bản đồ. Tuy nhiên, do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho hộ ông Vi Ngọc G năm 2011 lại ghi địa danh tại T, thôn K, xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn đối với thửa đất 901, trong đó có đất đang tranh chấp xác định địa danh là T, thôn K nên Hội đồng xét xử xác định diện tích đất có tranh chấp giữa các đương sự tọa tại T, thôn K, xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn ông Hoàng Văn K: Căn cứ vào lời trình bày các các bên đương sự, của người làm chứng, kết quả xem xét

thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp, xác minh nguồn gốc đất tranh chấp của Tòa án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Diện tích đất tranh chấp giữa ông Vi Ngọc G và ông Hoàng Văn K là 3.242m² đất rừng sản xuất, thuộc một phần diện tích 19.132m², thửa đất 901, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01, tọa tại T, thôn K, xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Trước năm 1994 trước khi hộ ông Vi Ngọc G được giao đất để trồng rừng thì đất để trống, không ai sử dụng, gia đình ông Vi Ngọc G lúc đó đang sinh sống thôn K (xóm K), xã Q cũ, còn gia đình anh em ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C từ trước đến nay đều sinh sống, cư trú tại thôn K (nay là khu T), thị trấn Đ, huyện C là khác đại danh, khác thôn (xóm) với gia đình ông Vi Ngọc G, điều này phù hợp với lời khai của các đương sự, của những người làm chứng trong vụ án, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, chính quyền thôn K và Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, Hạt kiểm lâm huyện C, Ủy ban nhân dân huyện C đều xác định trước khi hộ ông Vi Ngọc G được giao đất để trồng rừng là đất trống, không ai quản lý, sử dụng; quá trình giải quyết đến tại phiên tòa, ông Hoàng Văn K và các đương sự đều thừa nhận trên phần đất tranh chấp với ông Hoàng Văn K đến nay còn tồn tại 01 cây bạch đàn của ông Vi Ngọc G trồng trước năm 2005 thời gian trồng khoảng từ năm 1996 đến 1997, có lời khai ông Vi Ngọc G khai trồng năm 2005, do ông Vi Ngọc G thuê chính ông Hoàng Văn K, tại phiên tòa ông Hoàng Văn K cũng thừa nhận ông được ông Vi Ngọc G thuê trồng nhiều bạch đàn trên thửa đất, được ông trả tiền công vì ông được ông Vi Ngọc G cho biết gia đình ông Vi Ngọc G đã được giao đất trồng rừng. Đồng thời, theo kết luận giám định chữ ký, chữ viết của ông Hoàng Văn K tại “giấy chứng thực đề ngày 20/5/2011” đã kết luận chữ ký “K” dưới dòng chữ “người viết giấy” là chữ ký, chữ viết của ông Hoàng Văn K ký, viết ra, do đó có căn cứ để khẳng định rằng ông Vi Ngọc G cho ông Hoàng Văn K mượn phần đất đang tranh chấp trồng cây ngăn ngày trên phần đất rừng của ông Vi Ngọc G năm 2011. Hai anh em ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C cũng thừa nhận việc ông Hoàng Văn K trồng cây sớm nhất trên đất tranh chấp là năm 2008 các cây trồng khác ông đều trồng sau thời điểm năm 2008, ông Hoàng Văn C thì trồng cây từ năm 2009, là sau thời điểm hộ ông Vi Ngọc G được Ủy ban nhân dân huyện C giao, cấp thửa đất 901 rất nhiều năm. Mặt khác, tuy cơ quan có thẩm quyền lưu giữ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vi Ngọc G năm 2011 nay không còn lưu được hồ sơ này, nhưng xét thấy năm 2011 khi Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Vi Ngọc G, mặc dù trước đó có tài sản cây trồng trên đất của bị đơn ông Hoàng Văn K nhưng như phân tích ở trên thì có căn cứ khẳng định phần đất này có nguồn gốc đất của hộ ông Vi Ngọc G, do ông Hoàng Văn K mượn đất của ông Vi Ngọc G; còn về tài sản cây trồng trên phần đất tranh chấp với ông Hoàng Văn C, thì tại phiên tòa ông Hoàng Văn C thừa nhận ông không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất thuộc quyền sử dụng của ông, đất ông Vi Ngọc G đã được cấp quyền sử dụng đất nên ông đã đồng ý trả lại đất tranh chấp cho hộ ông Vi Ngọc G; đối với tài sản cây trồng của những người khác trồng cây trên một phần đất không có tranh chấp gồm ông Hoàng Văn T3, ông Ngô Văn

H, ông Lô Văn N, trong đó có ông Hoàng Văn C, thì những người này đều thừa nhận thuộc một phần diện tích của thửa đất 901 của ông Vi Ngọc G, từ trước đến nay không ai có giấy tờ gì chứng minh về nguồn gốc đất, không ai đăng ký, kê khai, không ai được cấp quyền sử dụng đất, quá trình hộ ông Vi Ngọc G được giao, cấp đất không ai có khiếu nại hay xảy ra tranh chấp gì liên quan đến một phần đất này với hộ ông Vi Ngọc G; Ủy ban nhân dân huyện C là cơ quan giao đất trồng rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vi Ngọc G hằng định năm 1994 giao diện tích 4,5 ha, đất trồng rừng và năm 2011 cấp diện tích đất 19.132m² đất rừng sản xuất, có sự chênh lệch về diện tích đất như vậy là do làm công tác cập nhật giao đất, giao rừng bằng quy trình thủ công, không có công nghệ máy móc hỗ trợ, vì vậy còn thiếu sót và độ sai số cao, nhưng xét về trình tự, thủ tục giao, cấp đất thửa 901 năm 1994 và năm 2011 cho hộ ông Vi Ngọc G là đúng quy định pháp luật, đúng đối tượng được cấp, không có căn cứ nào thể hiện có sự trùng lấn thửa đất khác. Với các lý do trên, Hội đồng xét xử thấy rằng có căn cứ xác định đất đang tranh chấp giữa các bên có nguồn gốc là đất của hộ ông Vi Ngọc G, hộ ông Vi Ngọc G quản lý, sử dụng đất từ khi được giao đến nay. Xét việc ông Hoàng Văn K và gia đình cho rằng các diện tích đất tranh chấp tại thửa đất 901 hiện nay có nguồn gốc là đất ông cha để lại và được bố đẻ là ông Hoàng Văn S cho quản lý, sử dụng, tuy nhiên, ngoài lời trình bày của ông và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bố ông và vợ con, anh em ruột của ông ra, thì gia đình bị đơn không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng đất hợp pháp của gia đình mình, nên yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp của ông Hoàng Văn K không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc ông Vi Ngọc G khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Văn K trả lại diện tích đất tranh chấp cho hộ ông Vi Ngọc G được quyền sử dụng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, ông Hoàng Văn K phải trả lại diện tích đất tranh chấp cho hộ gia đình ông Vi Ngọc G được quyền sử dụng đất.

[5] Kiến nghị và đề xuất, qua vụ án này Hội đồng xét xử thấy rằng về trình tự thủ tục Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng ngày 13/9/1994 (gọi tắt là sổ bì xanh), đối với diện tích 4,5 ha tại thôn K (xóm K), xã Q cũ, nay là thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, sau đó cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bì sổ BI 176964 ngày 01/6/2011 (gọi tắt là sổ bì đỏ), có diện tích 19.132m², thuộc thửa đất 901, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã Q cũ, tại T, thôn K, xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn, cho hộ ông Vi Ngọc G nguyên đơn trong vụ án, nhưng Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn chưa thực hiện thủ tục thu hồi sổ bì xanh trước khi cấp sổ bì đỏ. Do vậy, Hội đồng xét xử đề xuất Chánh án Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xem xét, rà soát lại trình tự, thủ tục giao, cấp sổ bì xanh và sổ bì đỏ cho hộ ông Vi Ngọc G để thực hiện đúng quy định của Luật đất đai.

[6] Xét yêu cầu di dời tài sản trên đất tranh chấp giữa nguyên đơn ông Vi Ngọc G đối với bị đơn ông Hoàng Văn K: Đối với tài sản cây trồng trên diện tích

đất tranh chấp giữa các bên thấy rằng, các bên đều thừa nhận về số lượng các loại cây, thời điểm trồng các loại cây đó và thừa nhận cây trồng nào là của ông Vi Ngọc G trồng, cây trồng nào của ông Hoàng Văn K trồng. Nhưng như đã phân tích tại đoạn [5] nêu trên, ông Vi Ngọc G được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, ông Hoàng Văn K phải trả lại diện tích đất tranh chấp cho hộ gia đình ông Vi Ngọc G được quyền sử dụng đất. Do vậy, xét thấy việc ông Vi Ngọc G tại phiên tòa yêu cầu được quyền sở hữu tài sản cây trồng trên đất gồm 01 cây bạch đàn do ông Vi Ngọc G trồng năm 2005 cùng tài sản trên đất tranh chấp do ông Hoàng Văn K trồng gồm có 13 cây xoài đường kính từ 02 đến 05cm trồng năm 2014; 35 cây đào có đường kính từ 02 đến 05cm trồng năm 2013; 38 cây vải có đường kính từ 02 đến 05cm trồng 2015; 63 cây na đường kính dưới 02cm trồng 2016; 150 cây sắn mọc tự nhiên không biết năm mọc; 05 cây dứa trồng năm 2015; 06 cây chuối trồng 2015; 710 khóm giềng trồng 2008; 30 bụi tre trồng 2008, có trị giá 32.795.000 đồng, là có căn cứ chấp nhận, cần buộc ông Vi Ngọc G trả cho ông Hoàng Văn K trị giá tài sản cây trồng trên đất tranh chấp số tiền 32.795.000 đồng.

[7] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn ông Hoàng Văn C: Xét thấy, ông Vi Ngọc G và ông Hoàng Văn C tại phiên tòa đã thống nhất thỏa thuận được với nhau, về việc ông Hoàng Văn C phải trả lại diện tích đất tranh chấp có diện tích 744m² đất rừng sản xuất, thuộc một phần thửa đất số 901, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), có tổng diện tích 19.132m² đất rừng sản xuất (RSN-IIa), đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa sổ: BI 176964 ngày 01/6/2011 đứng tên hộ ông Vi Ngọc G và bà Nguyễn Thị H, tọa tại T, thôn K, xã Q cũ (nay là thị trấn Đ) huyện C, tỉnh Lạng Sơn cho hộ ông Vi Ngọc G được quyền sử dụng và được quyền sở hữu tài sản cây trồng trên đất tranh chấp gồm 33 bụi tre; ông Vi Ngọc G phải trả cho ông Hoàng Văn C trị giá tài sản cây trồng trên đất tranh chấp số tiền 346.500 đồng. Sự thỏa thuận đó của ông Vi Ngọc G và ông Hoàng Văn C là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận đó.

[8] Đối với diện tích 2031m² đất ông Hoàng Văn C đang sử dụng trồng chuối, cây ăn quả xoài, đào; diện tích 1853m² đất ông Ngô Văn H đang sử dụng trồng bạch đàn; diện tích 367 m² ông Hoàng Văn T3 sử dụng trồng na; diện tích 5318m² ông Hoàng Văn P đang sử dụng trồng keo, bạch đàn và đối với phần diện tích 4814m² đất rừng sản xuất, được ký hiệu thửa tạm 901.5 trên Mảnh trích đo khu đất tranh chấp của hộ ông Vi Ngọc G; 01 con đường đất diện tích 76,3m² do ông Vi Ngọc G mở (ký hiệu thửa tạm 901.8 trên trích đo khu đất tranh chấp) đều thuộc một phần diện tích còn lại của thửa 901 đất rừng sản xuất, tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 01 xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn, hộ ông Vi Ngọc G được cấp đất. Tất cả các diện tích đất này ông Vi Ngọc G không có yêu cầu khởi kiện, ông Vi Ngọc G và các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về chi phí tố tụng: Chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết số tiền 19.690.000 đồng, do nguyên đơn ông Vi Ngọc G đã nộp tạm ứng trước, nay yêu cầu khởi kiện của ông Vi Ngọc G được chấp nhận, căn cứ vào khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166 Bộ

luật tố tụng dân sự cần buộc các bị đơn ông Hoàng Văn K và ông Hoàng Văn C phải chịu số tiền 19.690.000 đồng đã chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Buộc ông Hoàng Văn K và ông Hoàng Văn C mỗi người phải hoàn trả cho nguyên đơn ông Vi Ngọc G số tiền 9.845.000đ (chín triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[10] Về chi phí giám định chữ ký của ông Hoàng Văn K: Chi phí giám định chữ ký của ông Hoàng Văn K hết số tiền 5.000.000 đồng, do nguyên đơn ông Vi Ngọc G đã nộp tạm ứng trước, kết quả giám định theo yêu cầu của ông Vi Ngọc G là có căn cứ theo khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, cần buộc bị đơn ông Hoàng Văn K phải chịu chi phí giám định số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Buộc ông Hoàng Văn K phải hoàn trả cho nguyên đơn ông Vi Ngọc G số 5.000.000đ (năm triệu đồng) đã nộp tạm ứng chi phí giám định.

[11] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Vi Ngọc G được chấp nhận nên cần buộc các bị đơn ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông Hoàng Văn C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[12] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 9, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, các Điều 229, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 688 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 105, 106, 136 Luật đất đai 2003; khoản 1, khoản 5 Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 115, 163, 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vi Ngọc G đối với bị đơn ông Hoàng Văn K.

2. Buộc ông Hoàng Văn K và gia đình ông Hoàng Văn K phải trả lại diện tích đất tranh chấp 3.242m², đất rừng sản xuất, thuộc một phần thửa đất số 901, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), có tổng diện tích 19.132m² đất rừng sản xuất (RSN-IIa), đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa sổ: BI 176964 ngày 01/6/2011 đứng tên hộ ông Vi Ngọc G và bà Nguyễn Thị H, tọa tại T, thôn K, xã Q cũ (nay là thị

trần Đ) huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có các phía tiếp giáp và kích thước các cạnh như sau: phía Đông tiếp giáp đường đất do ông Vi Ngọc G mở tại thửa 901 của hộ ông Vi Ngọc G, có 02 đoạn gồm đoạn từ A19 đến A6 dài là 58,6m, tiếp giáp với một phần đất diện tích 763m² đường đất do ông Vi Ngọc G mở (ký hiệu thửa tạm 901.8 trên trích đo khu đất tranh chấp) của thửa 901 hộ ông Vi Ngọc G và tiếp giáp với một phần diện tích 5318m² (ký hiệu thửa tạm 901.7 trên trích đo khu đất tranh chấp) của thửa 901 hộ ông Vi Ngọc G, hiện ông Hoàng Văn P đang trồng keo, bạch đàn và đoạn từ A6 đến A8, có cạnh dài 34,6m tiếp giáp với một phần thửa đất 900 (phần diện tích 630,0m² đất RST-đất rừng sản xuất tự nhiên, được ký hiệu thửa tạm 900.1 trên trích đo khu đất tranh chấp) của ông Hoàng Văn P; phía Tây tiếp giáp với một phần diện tích 4814m² đất rừng sản xuất (ký hiệu thửa tạm 901.5 trên trích đo khu đất tranh chấp) thuộc thửa 901 của hộ ông Vi Ngọc G, có cạnh dài đoạn từ A9 đến A22 đến A17 là 77,4m; phía Nam có cạnh dài từ A8 đến A9 là 40,5m, tiếp giáp khe suối, liền kề với thửa đất 946 đất RST-đất rừng sản xuất tự nhiên của hộ ông Hoàng Tấn P; phía Bắc tiếp giáp phần diện tích 744,0m² đất (ký hiệu thửa tạm 901.4 trên trích đo khu đất tranh chấp) đoạn từ A17 đến A18 có cạnh dài 23,5m thuộc một phần thửa 901 của hộ ông Vi Ngọc G, hiện ông Hoàng Văn C đang trồng tre và đoạn từ A18 đến A19 giáp phần diện tích 1853,0m² đất rừng sản xuất (ký hiệu thửa tạm 901.3 trên trích đo khu đất tranh chấp) thuộc một phần thửa 901 của hộ ông Vi Ngọc G, hiện ông Ngô Văn H đang trồng tre; đều nằm trong diện tích 19.132m² thuộc thửa đất 901, tờ bản đồ số 01 của hộ ông Vi Ngọc G và được quyền sở hữu tài sản cây trồng trên đất gồm có 01 cây bạch đàn, đường kính trên 40cm của ông Vi Ngọc G trồng và 13 cây xoài đường kính từ 02 đến 05cm; 35 cây đào có đường kính từ 02 đến 05cm; 38 cây vải có đường kính từ 02 đến 05cm; 63 cây na đường kính dưới 02cm; 150 cây sắn mọc tự nhiên không biết năm mọc; 05 cây dứa; 06 cây chuối; 710 khóm giềng; 30 bụi tre đều do ông Hoàng Văn K trồng, có trị giá 32.795.000 đồng. Buộc ông Vi Ngọc G phải trả cho ông Hoàng Văn K trị giá tài sản cây trồng trên diện tích đất tranh chấp số tiền 32.795.000 đồng.

(Có trích đo địa chính khu đất tranh chấp kèm theo Bản án)

3. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Vi Ngọc G và bị đơn ông Hoàng Văn C về việc ông Hoàng Văn C phải trả lại diện tích đất tranh chấp có diện tích 744m² đất rừng sản xuất, thuộc một phần thửa đất số 901, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), có tổng diện tích 19.132m² đất rừng sản xuất (RSN-IIa), đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa sổ: BI 176964 ngày 01/6/2011 đứng tên hộ ông Vi Ngọc G và bà Nguyễn Thị H, tọa tại T, thôn K, xã Q cũ (nay là thị trấn Đ) huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có các phía tiếp giáp và kích thước các cạnh như sau: phía Đông tiếp giáp một phần diện tích 1853,0m² đất rừng sản xuất (ký hiệu thửa tạm 901.3 trên trích đo khu đất tranh chấp), ông Ngô Văn H trồng tre, có cạnh dài là 18m, thuộc một phần diện tích thửa đất 901 của hộ ông Vi Ngọc G, đoạn từ A14 đến A18 có cạnh dài là 26,1m; phía Tây tiếp giáp với một phần diện tích 4814m² đất rừng sản xuất (ký hiệu thửa tạm 901.5 trên trích đo khu đất tranh chấp) thuộc thửa 901 của hộ ông Vi Ngọc G, có cạnh dài đoạn từ A15 đến A16 là 25,0m; phía Nam

tiếp giáp một phần diện tích 4814m² đất rừng sản xuất (ký hiệu thửa tạm 901.5 trên trích đo khu đất tranh chấp) của thửa 901 của hộ ông Vi Ngọc G, có đoạn từ A16 đến A17, cạnh dài 21,9m và đoạn từ A17 đến A18, cạnh dài 23,5m, có tiếp giáp một phần diện tích 3.242,0m² đất rừng sản xuất (ký hiệu thửa tạm 901.6 trên trích đo khu đất tranh chấp), hiện ông Hoàng Văn K đang trồng cây, đều thuộc thửa đất 901 của hộ Vi Ngọc G; phía Bắc tiếp giáp đất một phần diện tích 2031,0m² đất rừng sản xuất (ký hiệu thửa tạm 901.2 trên trích đo khu đất tranh chấp), hiện ông Hoàng Văn C đang trồng chuối, có đoạn từ A15 đến A14, cạnh dài là 27,9m, đều thuộc thửa đất 901 của hộ ông Vi Ngọc G và được quyền sở hữu tài sản cây trồng trên đất gồm 33 bụi tre. Buộc ông Vi Ngọc G phải trả cho ông Hoàng Văn C trị giá tài sản cây trồng trên đất tranh chấp số tiền 346.500 đồng.

(Có trích đo địa chính khu đất tranh chấp kèm theo Bản án)

Khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền, thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Không xem xét giải quyết đối với diện tích 2031m² đất ông Hoàng Văn C đang sử dụng trồng chuối; diện tích 1853m² đất ông Ngô Văn H đang sử dụng trồng bạch đàn; diện tích 367m² ông Hoàng Văn T3 sử dụng trồng na; diện tích 5318m² ông Hoàng Văn P đang sử dụng trồng keo, bạch đàn; diện tích 4814m² của hộ ông Vi Ngọc G và 01 con đường đất diện tích 763m² do ông Vi Ngọc G mở, đều thuộc một phần thửa đất 901 đất rừng sản xuất, tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 01 xã Q cũ (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn, hộ ông Vi Ngọc G được cấp đất.

5. Về chi phí tố tụng:

5.1. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bị đơn ông Hoàng Văn K và ông Hoàng Văn C phải chịu số tiền 19.690.000đ (mười chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) đã chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Buộc ông Hoàng Văn K và ông Hoàng Văn C mỗi người phải hoàn trả cho nguyên đơn ông Vi Ngọc G số tiền 9.845.000đ (chín triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

5.2. Về chi phí giám định: Bị đơn ông Hoàng Văn K phải chịu số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) đã chi phí giám định. Buộc ông Hoàng Văn K phải hoàn trả cho nguyên đơn ông Vi Ngọc G số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) đã nộp tạm ứng chi phí giám định.

Khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền, thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí: Bị đơn ông Hoàng Văn C được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Hoàng Văn K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thanh Huyền